

Số: 65/2025/QĐST-VDS

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc chấm dứt việc nuôi con nuôi

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC B – ĐÀ NẴNG

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Bà Nguyễn Thị Mận;
- *Thư ký phiên họp:* Bà Lê Thị Thanh Phúc, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực B - Đà Nẵng.
- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực B - Đà Nẵng tham gia phiên họp:* Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực B - Đà Nẵng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 49/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025 về việc “*Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi*” theo Quyết định mở phiên họp số 02/2025/QĐST-DS ngày 11/8/2025; giữa các đương sự:

- *Người yêu cầu:* Ông **Nguyễn T**, sinh năm: 1956 và bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1968. Cùng địa chỉ: Thôn T, xã P, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị **Nguyễn Anh T**, sinh năm 2003. Địa chỉ: Thôn T, xã P, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu, bản tự khai ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị L cùng trình bày:

Chị Nguyễn Anh T, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2003 là con của ông Nguyễn Đại D và bà Phan Thị H (*Theo Giấy khai sinh số 347, quyển số 02 do Ủy ban nhân dân xã T cũ (nay là xã P) cấp ngày 08 tháng 12 năm 2003*). Năm 2014, ông Nguyễn Đại D bị tai nạn mất sức lao động, bà Phan Thị H gặp hoàn cảnh khó khăn về kinh tế nên không đủ khả năng và điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành. Vì vậy, ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị L đã xin nhận nuôi chị Nguyễn Anh T cho đến khi chị trưởng thành.

Việc giao nhận chị Nguyễn Anh T làm con nuôi của ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị L đã được mẹ đẻ bà Phan Thị H và cha mẹ nuôi ông Nguyễn T và bà

Nguyễn Thị L thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc đăng ký nhận nuôi con nuôi đã được Ủy ban nhân dân xã T cũ (*nay là xã P*) cấp Giấy chứng nhận nuôi con nuôi số 01/2014, quyền số 01/2014 ngày 05 tháng 11 năm 2014. Đến nay, chị Nguyễn Anh T đã trưởng thành nên ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị L yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với chị Nguyễn Anh T.

Tại bản tự khai, đơn yêu cầu xét xử vắng mặt chị Nguyễn Anh T trình bày: Năm 2014, ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị L làm thủ tục để nhận nuôi chị. Hiện nay, chị đã trưởng thành, đã tốt nghiệp Đại học và tự lo cho bản thân được. Vì vậy, chị đồng ý chấm dứt việc nuôi con nuôi với ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị L. Vì lý do bận công việc chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Đà Nẵng phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của người yêu cầu ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị L là đảm bảo.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 5 Điều 29 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của BLTTDS, Luật tố tụng hành chính, Luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 39 Bộ luật dân sự 2015; Điều 78 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 25, 26, 27 Luật Nuôi con nuôi: Đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị L, chấm dứt việc nuôi con nuôi của ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị L đối với chị Nguyễn Anh T, sinh ngày 10/10/2003; số Căn cước công dân: 049303002193 do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 13/4/2021 (*Theo giấy chứng nhận nuôi con nuôi số 01/2014, quyền số 01/2014 của Ủy ban nhân dân xã T cũ (nay là xã P), thành phố Đà Nẵng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Khu vực B – Đà Nẵng nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị L yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi với chị Nguyễn Anh T, sinh ngày 10/10/2003. Ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị L là cha mẹ nuôi có quyền yêu cầu theo Điều 25 Luật Nuôi con nuôi. Đây là yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi; Chị Nguyễn Anh T là con nuôi của ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị L hiện cư trú tại thôn T, xã P, thành phố Đà Nẵng nên Tòa án nhân dân Khu vực B – Đà Nẵng có thẩm quyền giải quyết theo quy định

khoản 5 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm l khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giải quyết vắng mặt, vì vậy Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt đương sự.

[2]. **Về nội dung:** Năm 2014, ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị L có nhận nuôi chị Nguyễn Anh Thư, sinh ngày 10/10/2003 là con đẻ của ông Nguyễn Đại D và bà Phan Thị H làm con nuôi. Các bên có làm hồ sơ nhận nuôi con nuôi và được Ủy ban nhân dân xã T cũ (nay là xã P) cấp Giấy chứng nhận nuôi con nuôi số 01/2014, quyền số 01/2014 ngày 05 tháng 11 năm 2014 nên quan hệ nuôi con nuôi là hợp pháp. Các bên thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Hiện nay, chị Nguyễn Anh T đã trưởng thành, tự lo cho cuộc sống của bản thân và trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Anh T cũng đồng ý chấm dứt việc nuôi con nuôi. Như vậy việc ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi là phù hợp.

Như đã phân tích nêu trên lời đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung là có căn cứ chấp nhận

[3]. **Về lệ phí:** Ông Nguyễn T là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền lệ phí, căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”, ông Nguyễn T được miễn tiền lệ phí theo quy định là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng). Bà Nguyễn Thị L chịu lệ phí việc dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 5 Điều 29, các Điều 35, 39, 149, khoản 3 Điều 367, các Điều 371, 372 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 39 Bộ luật dân sự 2015; Điều 78 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 25, 26, 27 Luật Nuôi con nuôi; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị L.

Tuyên bố: Chấm dứt việc nuôi con nuôi của ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị L đối với chị Nguyễn Anh T, sinh ngày 10/10/2003; số Căn cước công dân: 049303002193 do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 13/4/2021 (Theo giấy chứng nhận nuôi con nuôi số 01/2014, quyền số 01/2014 của Ủy ban nhân dân xã T cũ (nay là xã P), thành phố Đà Nẵng).

Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ nuôi và con nuôi chấm dứt kể từ ngày quyết định chấm dứt việc nuôi con nuôi của Tòa án có hiệu lực.

2. Về lệ phí việc dân sự: Ông Nguyễn T được miễn 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền lệ phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị L phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng lệ phí việc dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số **0001302** lập ngày 31/07/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị L được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng.

3. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được thông báo, niêm yết; Viện kiểm sát Nhân dân Khu vực 7 có quyền kháng nghị trong hạn 10 ngày; Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Đà Nẵng có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND Khu vực B – Đà Nẵng;
- THADS Thành phố Đà Nẵng;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã P,
- Lưu: VT, hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Nguyễn Thị Mận